

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP); Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP); Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Quyết định số 254/QĐ-TTg), UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2021 của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;
- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ban hành tại phụ lục I kèm theo Nghị định);
- Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Sự cần thiết và thẩm quyền ban hành

a) Sự cần thiết

- Làm căn cứ để các cơ quan quản lý lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

- Làm cơ sở để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, khung giá, giá dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực nông nghiệp của thành phố Hà Nội.

- Trên cơ sở Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND Thành phố về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (sự nghiệp kinh tế) và Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2865/QĐ-UBND của UBND Thành phố.

- Tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 và Điểm a Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Chính phủ đã quy định các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Sau khi rà soát tình hình thực tế triển khai thực hiện 17 danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội được quy định tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 và Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND Thành phố cho thấy có một số tồn tại như:

+ Có 03/17 dịch vụ không thuộc thẩm quyền thực hiện nên cần đề xuất đưa ra khỏi danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Thành phố.

+ Có 06 dịch vụ nội dung có tính chất tương tự nhau.

+ Có một số dịch vụ thuộc Quyết định số 254/QĐ-TTg cần thiết để phục vụ công tác quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn nhưng chưa được đưa vào danh mục dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Vì vậy, để đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với các quy định hiện hành, việc rà soát và ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn là rất cần thiết.

b) Thẩm quyền ban hành

- Tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: “Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh báo cáo UBND cấp tỉnh để trình HĐND cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành

danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện”.

- Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền ban hành, trường hợp danh mục hiện hành phù hợp với quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quyết định việc tiếp tục thực hiện danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền ban hành.*

Trường hợp cần thiết sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện.”

Như vậy, thẩm quyền ban hành Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM, QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

1. Mục đích

Việc xây dựng, ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo yêu cầu về tính hợp pháp, tuân thủ đúng quy định về thẩm quyền ban hành, phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, đáp ứng yêu cầu về lộ trình nâng cao mức tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, đồng thời đảm bảo sự công bằng, công khai, minh bạch, tạo môi trường hoạt động bình đẳng, cạnh tranh cho các tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ sự nghiệp công góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

2. Quan điểm

- Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn được thể hiện theo đúng quan điểm, đường lối, chủ trương và các chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Đảm bảo hiệu quả triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Bám sát danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Quyết định số 254/QĐ-TTg, đồng thời điều chỉnh theo thực tiễn tại các đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

3. Quá trình xây dựng

3.1. Quá trình xây dựng: UBND Thành phố đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai một số nhiệm vụ sau:

- Ban hành Quyết định số 1041/QĐ-SNN ngày 05/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập tổ rà soát danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Ngày 7/6/2023, tổ chức họp, phân công nhiệm vụ và triển khai thực hiện việc rà soát danh mục sản phẩm, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Ngày 12/9/2023, tổ chức Hội nghị mời Sở Tài chính họp và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đề xuất danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (Công văn số 2887/SNN-KT&CSNN ngày 13/9/2023). Tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, Nghị quyết của HĐND Thành phố;

- Xin ý kiến các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã (Công văn số 3468/SNN-KT&CSNN ngày 27/10/2023; số 3672/SNN-KT&CSNN ngày 7/11/2023); tính đến thời điểm hiện tại tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được ý kiến tham gia góp ý của 38 cơ quan, đơn vị, cơ bản các ý kiến đều nhất trí với hồ sơ trình Nghị quyết của HĐND Thành phố.

3.2. Kết quả rà soát:

- Giữ nguyên 05 dịch vụ được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND, Quyết định số 1984/QĐ-UBND và đã triển khai thực hiện ổn định, có hiệu quả từ năm 2017, gồm: (1) Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất; (2) Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh (bảo vệ thực vật); (3) Bảo vệ và phát triển rừng; (4) Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố; (5) Duy tu, bảo dưỡng đê điều.

- Sửa đổi tên của 02 dịch vụ đã được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND và triển khai thực hiện ổn định, có hiệu quả từ năm 2017, gồm: (1) Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã (Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng); (2) Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình (Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án).

- Tích hợp 06 dịch vụ trong lĩnh vực đánh giá, kiểm nghiệm, chứng nhận được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND gồm: (1) Kiểm nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi; (2) Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi; (3) Kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật; (4) Đánh giá, chứng nhận sản phẩm và vật tư nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; (5) Đánh giá chứng nhận quá trình, chứng nhận hệ thống quản lý sản xuất sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp; (6) Kiểm nghiệm, kiểm định môi trường nông nghiệp, vật tư nông nghiệp (trừ môi trường chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) thành 01 dịch vụ “Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp” để thống nhất thực hiện.

- Có 04 danh mục được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND thuộc thẩm quyền thực hiện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện, chưa phân cấp cho địa phương thực hiện hoặc phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định thực hiện, vì vậy đề xuất đưa ra khỏi danh mục gồm: (1) Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; (2) Khảo nghiệm giống vật nuôi; (3) Dịch vụ khảo nghiệm các loại giống cây trồng, cây lâm nghiệp, giống thủy sản; (4) Dịch vụ nuôi giữ giống gốc, giống thuần thủy sản.

- Bổ sung 08 dịch vụ sự nghiệp công đã được quy định tại Quyết định số 254/QĐ-TTg và cần thiết cho sự phát triển của lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn của Thành phố nhưng chưa được bổ sung vào danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Thành phố, gồm: (1) Thống kê lĩnh vực trồng trọt; (2) Thống kê, thông tin lĩnh vực chăn nuôi; (3) Chẩn đoán thú y; (4) Thông tin, dự báo thuộc lĩnh vực thủy sản; (5) Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi; (6) Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước; (7) Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi; (8) Thống kê lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Đề xuất bổ sung 05 dịch vụ ngoài phạm vi Quyết định số 254/QĐ-TTg để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thành phố, chính sách của Đảng, Nhà nước và Thành phố về phát triển lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, gồm: (1) Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; (2) Hoạt động tuyên truyền về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm; (3) Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; (4) Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; (5) Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước;
- Đơn vị sự nghiệp công lập;
- Các đơn vị thụ hưởng ngân sách thuộc UBND Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, cơ quan quản lý chuyên ngành được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Nội dung

3.1. Các dịch vụ trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ (14 dịch vụ)

- Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt:
 - (1) Thống kê lĩnh vực trồng trọt
- Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi:
 - (2) Thống kê, thông tin lĩnh vực chăn nuôi
- Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật:
 - (3) Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất
 - (4) Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh
- Dịch vụ lĩnh vực thú y:
 - (5) Chẩn đoán thú y
- Dịch vụ lĩnh vực thủy sản:
 - (6) Thông tin, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản
- Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp:
 - (7) Bảo vệ và phát triển rừng
 - (8) Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã
- Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai:
 - (9) Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
 - (10) Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước

(11) Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi

(12) Duy tu, bảo dưỡng đê điều

- Dịch vụ khác:

(13) Thống kê lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

(14) Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình

3.2. Các dịch vụ đề xuất ngoài phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ (07 dịch vụ)

- Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi:

(1) Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố

- Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng:

(2) Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp

(3) Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

(4) Hoạt động tuyên truyền về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm

- Dịch vụ khác:

(5) Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản

(6) Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

(7) Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp

5. Hồ sơ trình kèm theo:

- Dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố;

- Báo cáo thuyết minh.

IV. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HĐND THÀNH PHỐ XEM XÉT, THÔNG QUA

Dự kiến trình HĐND Thành phố khóa XVI thông qua tại kỳ họp thứ 14 của HĐND Thành phố.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội. UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND TP;
(để báo cáo);
- Các PCT UBND Thành phố;
- Các sở: NN&PTNT, TC, KH&ĐT, TP;
- Các Ban HĐND TP;
- VP: Thành ủy, ĐDBQH và HĐND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng CV VPUBND TP;
- Lưu VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Quyền

BÁO CÁO THUYẾT MINH

Căn cứ đề nghị ban hành Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố

(Kèm theo Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2023)

Căn cứ Thông báo số 37/TB-HĐND của HĐND Thành phố kết luận về nội dung, thời gian và công tác chuẩn bị tổ chức kỳ họp thứ 14 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2023) HĐND Thành phố khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 – 2026, UBND Thành phố kính báo cáo HĐND Thành phố về nội dung đề nghị ban hành Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố như sau:

I. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng và tích cực lãnh đạo, chỉ đạo toàn hệ thống chính trị tổ chức thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030 nêu rõ “Hoàn thiện hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao. Đẩy mạnh việc chuyển giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập”. Để thực hiện việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, cần xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội từng thời kỳ và tính chất mỗi ngành, lĩnh vực. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công là cơ sở tính toán để xác định khả năng tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và từng bước thực hiện lộ trình tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngày 21/6/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, tại điểm b, Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định về thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

“Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện.”

Chương trình 02-CTr/TU ngày 17/3/2021 về Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững

giai đoạn 2021 – 2025, trong đó đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là cơ cấu lại và đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập “*Đổi mới cơ chế quản lý, cấp phát ngân sách nhà nước, chuyển từ cơ chế cấp phát sang cơ chế đặt hàng*”.

Để triển khai thực hiện các quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố bn hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội là hết sức cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết

1. Mục đích

Ban hành Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội để đáp ứng các yêu cầu đổi mới tổ chức và cơ chế tài chính, nâng mức tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định, giao nhiệm vụ đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 23/11/2020 về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và phù hợp với điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội, cụ thể:

- Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy, nhân sự tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP.

- Đảm bảo khả năng triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

- Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn cần thể hiện đúng quan điểm, các chính sách của Đảng, Nhà nước và thành phố về phát triển lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể:

- + Những dịch vụ sự nghiệp công mà Nhà nước cần phải đảm bảo toàn bộ chi phí để thực hiện dịch vụ đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, không thể xã hội hóa, khu vực tư nhân, các thành phần kinh tế ngoài nhà nước không đầu tư;

- + Những dịch vụ sự nghiệp công thuộc chức năng nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định tại Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố;

+ Những dịch vụ sự nghiệp công thuộc trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

+ Những dịch vụ sự nghiệp công được quy định trong Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Nghị định, Thông tư hướng dẫn; được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặt hàng, tổ chức đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công theo giá hoặc phí do Nhà nước quy định.

III. Nguyên tắc xây dựng

- Xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn Thành phố thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu trên địa bàn Thành phố đảm bảo theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và phải phù hợp với quy định pháp luật chuyên ngành, phạm vi quản lý của ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trong quá trình triển khai thực hiện trường hợp có phát sinh các nội dung liên quan danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, UBND Thành phố sẽ tiến hành rà soát trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tiễn.

IV. Quá trình xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

1. Quá trình xây dựng: Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai một số nhiệm vụ sau:

- Ban hành Quyết định số 1041/QĐ-SNN ngày 05/6/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập tổ rà soát danh mục sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

- Ngày 7/6/2023, tổ chức họp, phân công nhiệm vụ và triển khai thực hiện việc rà soát danh mục sản phẩm, danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Ngày 12/9/2023, tổ chức Hội nghị mời Sở Tài chính họp và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước;

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, đề xuất danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (Công văn số 2887/SNN-KT&CSNN ngày 13/9/2023). Tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, Nghị quyết của HĐND Thành phố;

- Xin ý kiến các sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã (Công văn số 3468/SNN-KT&CSNN ngày 27/10/2023; số 3672/SNN-KT&CSNN ngày 7/11/2023); tính đến thời điểm hiện tại tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

đã nhận được ý kiến tham gia góp ý của 38 cơ quan, đơn vị, cơ bản các ý kiến đều nhất trí với hồ sơ trình Nghị quyết của HĐND Thành phố.

2. Kết quả rà soát:

- Giữ nguyên 05 dịch vụ được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND, Quyết định số 1984/QĐ-UBND và đã triển khai thực hiện ổn định, có hiệu quả từ năm 2017, gồm: (1) Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất; (2) Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh (bảo vệ thực vật); (3) Bảo vệ và phát triển rừng; (4) Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố; (5) Duy tu, bảo dưỡng đê điều.

- Sửa đổi tên của 02 dịch vụ đã được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND và triển khai thực hiện ổn định, có hiệu quả từ năm 2017, gồm: (1) Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã (Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng); (2) Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình (Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án).

- Tích hợp 06 dịch vụ trong lĩnh vực đánh giá, kiểm nghiệm, chứng nhận được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND gồm: Kiểm nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi; Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi; Kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật; Đánh giá, chứng nhận sản phẩm và vật tư nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đánh giá chứng nhận quá trình, chứng nhận hệ thống quản lý sản xuất sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp; Kiểm nghiệm, kiểm định môi trường nông nghiệp, vật tư nông nghiệp (trừ môi trường chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) thành 01 dịch vụ “Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp” để thống nhất thực hiện.

- **Có 04 danh mục** được ban hành tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND **thuộc thẩm quyền thực hiện của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện, chưa phân cấp cho địa phương thực hiện hoặc phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định thực hiện, vì vậy đề xuất đưa ra khỏi danh mục gồm: (1) Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp; (2) Khảo nghiệm giống vật nuôi; (3) Dịch vụ khảo nghiệm các loại giống cây trồng, cây lâm nghiệp, giống thủy sản; (4) Dịch vụ nuôi giữ giống gốc, giống thuần thủy sản.**

- Bổ sung 08 dịch vụ sự nghiệp công đã được quy định tại Quyết định số 254/QĐ-TTg và cần thiết cho sự phát triển của lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của Thành phố nhưng chưa được bổ sung vào danh mục dịch vụ sự nghiệp công của Thành phố, gồm: (1) Thống kê lĩnh vực trồng trọt; (2) Thống kê, thông tin lĩnh vực chăn nuôi; (3) Chẩn đoán thú y; (4) Thông tin, dự báo thuộc lĩnh vực thủy sản; (5) Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi; (6) Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước; (7) Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi; (8) Thống kê lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

- Đề xuất bổ sung 05 dịch vụ ngoài phạm vi Quyết định số 254/QĐ-TTg để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thành phố, chính sách của Đảng, Nhà nước và thành phố về phát triển lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, gồm: (1) Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; (2) Hoạt động tuyên truyền về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm; (3) Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; (4) Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; (5) Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

V. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

1.1. Các dịch vụ trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ (14 dịch vụ):

- Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt:
 - (1) Thống kê lĩnh vực trồng trọt
- Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi:
 - (2) Thống kê, thông tin lĩnh vực chăn nuôi
- Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật
 - (3) Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất
 - (4) Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh
- Dịch vụ lĩnh vực thú y:
 - (5) Chẩn đoán thú y
- Dịch vụ lĩnh vực thủy sản:
 - (6) Thông tin, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản
- Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp:
 - (7) Bảo vệ và phát triển rừng
 - (8) Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã
- Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai
 - (9) Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
 - (10) Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước
 - (11) Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi
 - (12) Duy tu, bảo dưỡng đê điều
- Dịch vụ khác

(13) Thống kê lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

(14) Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình

1.2. Các dịch vụ đề xuất ngoài phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ (07 dịch vụ):

- Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi

(1) Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố

- Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng

(2) Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp.

(3) Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

(4) Hoạt động tuyên truyền về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm

- Dịch vụ khác

(5) Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản

(6) Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

(7) Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo rà soát, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và tổ chức triển khai các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đảm bảo không trùng lặp hạng mục, nội dung công việc, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

2.2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

2.3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

(có chi tiết giải trình lý do đề xuất kèm theo)

GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐỀ XUẤT

(Kèm theo Báo cáo thuyết minh căn cứ đề nghị ban hành Nghị quyết về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố)

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
A	Trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ	
I	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt	
1	Thống kê lĩnh vực trồng trọt	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Luật Trồng trọt quy định chính sách của nhà nước về hoạt động trồng trọt: "<i>Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau đây: Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt; thông tin và dự báo thị trường; xây dựng chiến lược phát triển trồng trọt; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động trồng trọt;</i>" - Căn cứ Thông tư số 17/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn 2. Căn cứ thực tiễn: - Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện việc thu thập số liệu để báo cáo và cập nhật cơ sở dữ liệu về trồng trọt về các thông tin như: Diện tích gieo trồng, thu hoạch, năng suất, sản lượng, tình hình sinh trưởng phát triển của cây trồng. Tuy nhiên trong những năm qua hoạt động này chưa đề xuất kinh phí triển khai do chưa có định mức, đơn giá và quy trình cung cấp dịch vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành, vì vậy đề xuất dịch vụ này thuộc Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội để chủ động xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá thực hiện trên địa bàn Thành phố. - Phương pháp thực hiện đang được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện thông qua các hoạt động quản lý nhà nước, các kế hoạch, nghiệp vụ hàng năm

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
II	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi	
2	Thống kê, thông tin lĩnh vực chăn nuôi	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Luật Chăn nuôi quy định chính sách của nhà nước về hoạt động trồng trọt: "<i>Thống kê, điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu chăn nuôi, đánh giá tiềm năng và hoạt động chăn nuôi theo định kỳ 05 năm và hằng năm; xây dựng chiến lược phát triển chăn nuôi; dự báo thị trường, dự trữ sản phẩm chăn nuôi phù hợp với từng thời kỳ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong chăn nuôi;</i>" - Căn cứ Thông tư số 17/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn - Căn cứ Điều 15 Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi 2. Căn cứ thực tiễn: - Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện việc thu thập số liệu để báo cáo và cập nhật cơ sở dữ liệu về chăn nuôi về các thông tin trong chăn nuôi để phục vụ công tác quản lý nhà nước và cập nhật thông tin theo quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BNNPTNT ngày 22/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Phương pháp thực hiện đang được Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện thông qua các hoạt động quản lý nhà nước, các kế hoạch, nghiệp vụ hàng năm
III	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật	

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
3	Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ Điều 16 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Căn cứ Thông tư số 71/2010/TT-BNNPTNT ngày 10/12/2010, Thông tư số 63/2012/TT-BNNPTNT ngày 14/12/2012, Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật và Thông tư số 01/2020/TT-BNNPTNT ngày 16/01/2020 về quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn; 2. Căn cứ thực tiễn
4	Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh	- Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện việc thu thập số liệu để báo cáo và cập nhật cơ sở dữ liệu về bảo vệ thực vật gồm các thông tin: Diện tích nhiễm, diện phân bố, mức độ gây hại (nhẹ, trung bình, nặng, mất trắng) của các đối tượng sinh vật gây hại thực vật; tổng hợp đánh giá hiệu quả phòng chống sinh vật gây hại; các nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về BVTV... - Điều tra phát hiện sinh vật gây hại xác định thời gian phát sinh, diện phân bố, mức độ gây hại. Thông báo kịp thời tình hình sinh vật gây hại và hướng dẫn biện pháp phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; - Đánh giá xác định thiệt hại do dịch hại thực vật gây ra. - Hiện nay các nội dung trên đang được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước.
IV	Dịch vụ lĩnh vực thú y	
5	Chẩn đoán thú y	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 5 Luật Thú y quy định về "Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao công nghệ trong chẩn đoán, xét nghiệm, chữa bệnh động vật; xây dựng các cơ sở chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, khảo nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng thuốc thú y phục vụ quản lý nhà nước; xây dựng khu cách ly kiểm dịch;" - Các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư 24/2019/TT-

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		BNNPTNT ngày 24/12/2019, Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ Nông nghiệp & PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; - Các chương trình, kế hoạch quốc gia và Thành phố về phòng chống dịch bệnh: + Bệnh Cúm gia cầm: Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch Quốc gia phòng, chống bệnh Cúm gia cầm giai đoạn 2019-2025”; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về “Kế hoạch phòng, chống bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2025”. + Bệnh Lở mồm long móng: Quyết định số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 27/01/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. + Bệnh Viêm da nổi cục: Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu bò giai đoạn 2022-2030”; Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội về “Kế hoạch phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trâu bò trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2030”. + Bệnh Đại: Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh đại giai đoạn 2022-2030”; Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 04/4/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại trên đại bàn thành phố Hà nội giai đoạn 2022-2030. + Bệnh Dịch tả lợn châu Phi: Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch Quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2020-2025”; Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 10/09/2020 về phòng chống bệnh Dịch tả lợn châu phi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2025.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Thông tư của Bộ Tài chính: Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật. - Căn cứ Quyết định số 4549/QĐ-UBND của UBND Thành phố ngày 07/10/2020 về việc tổ chức lại Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông và chẩn đoán, xét nghiệm, điều trị bệnh động vật 2. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện một số nội dung sau: 2.1. Giám sát sau tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm, LMLM tuýp O, LMLM tuýp O-A, Dịch tả lợn, Tai xanh để đánh giá hiệu quả vắc xin do Thành phố hỗ trợ. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Kết quả giám sát sau tiêm phòng vắc xin là cơ sở để đánh giá hiệu quả công tác tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc gia cầm trên địa bàn Thành phố. 2.2. Giám sát sự lưu hành của vi rút Cúm gia cầm, vi rút Dịch tả lợn Châu Phi. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Nhằm đánh giá chủng vi rút Cúm gia cầm đang lưu hành trên đàn gia cầm, đề xuất loại vắc xin phù hợp để tiêm cho đàn gia cầm đảm bảo hiệu quả phòng chống dịch bệnh, cảnh báo nguy cơ xảy ra dịch bệnh để đề xuất các biện pháp ứng phó phù hợp. + Nhằm cảnh báo, đánh giá khả năng xảy ra dịch bệnh trên đàn lợn, đưa ra các phương án ứng phó phù hợp đảm bảo hiệu quả phòng chống dịch bệnh
V	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản	
6	Thông tin, dự báo thuộc lĩnh vực thủy sản	1. Căn cứ pháp lý - Luật Thủy sản: + <i>Tại điểm c, khoản 1, Điều 6 quy định chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản là “Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản; hệ thống quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh trong NTTS”</i> + <i>Tại khoản 1, Điều 9 quy định “Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản được xây dựng thống nhất từ trung ương đến địa phương; được chuẩn hoá để cập nhật, khai thác và</i>

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		<i>quản lý bằng công nghệ thông tin”</i> - Thông tư 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản. 2. Căn cứ thực tiễn Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Chi cục Thủy sản thực hiện thông qua các kế hoạch, nghiệp vụ hàng năm phục vụ công tác quản lý nhà nước 3. Kết quả thực hiện năm 2020 - Xây dựng, triển khai cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Đã hình thành phần mềm cơ sở dữ liệu về giống thủy sản, thuốc thú y thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội đúng với thiết kế, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật; Tài liệu hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn cài đặt, vận hành và quản trị hệ thống; Đĩa CD chứa bộ mã nguồn phần mềm.
VI	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp	
7	Bảo vệ và phát triển rừng	1. Căn cứ pháp lý - Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ - Căn cứ Khoản 38, mục A, phần VIII, biểu 01, Phụ lục I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu: “VIII. Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác A. Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn 38. Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp”. - Khoản 1, mục I Biểu số 1 Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội: “I. Hoạt động lĩnh vực lâm nghiệp

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		1. Bảo vệ và phát triển rừng”. 2. Căn cứ thực tiễn: Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, chặt phá, khai thác rừng trái phép; Nâng cao khả năng kiểm soát cháy rừng và hiệu lực của công tác phòng cháy chữa cháy rừng, giảm thiểu số vụ cháy và thiệt hại do cháy rừng gây ra 3. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023: Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ thực hiện một số nội dung sau: 3.1. Giao khoán bảo vệ rừng cho các chủ nhận khoán theo hình thức ký hợp đồng giao khoán hàng năm. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, chặt phá, khai thác rừng trái phép; Nâng cao khả năng kiểm soát cháy rừng và hiệu lực của công tác phòng cháy chữa cháy rừng, giảm thiểu số vụ cháy và thiệt hại do cháy rừng gây ra. 3.2. Hạ cấp vật liệu cháy - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Những tuyến hạ cấp vật liệu cháy đã góp phần hạn chế sự cháy lan khi có cháy rừng xảy ra đồng thời tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người dập lửa và dập tắt đám cháy.
8	Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã	1. Căn cứ pháp lý - Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 94. Luật Lâm nghiệp “Điều 94. Chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng 1. Nhà nước có chính sách đầu tư cho các hoạt động sau đây: b) Bảo vệ và cứu hộ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;” - Căn cứ Khoản 2 Điều 87 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp “2. Bảo vệ và cứu hộ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm a) Theo dõi, giám sát và tổ chức cứu hộ các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		b) Mua sắm trang thiết bị giám sát, cứu hộ, bảo vệ thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; c) Chăm sóc, nuôi dưỡng các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. - Căn cứ Khoản 38, mục A, phần VIII, biểu 01, Phụ lục I Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu: “VIII. Các hoạt động kinh tế, sự nghiệp khác A. Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn 38. Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp”. - Khoản 1, mục I Biểu số 1 Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội: “I. Hoạt động lĩnh vực lâm nghiệp 2. Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng”. - Quyết định số 4113/QĐ-UBND ngày 28/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Cứu hộ động vật hoang dã Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của UBND Thành phố Ban hành quy trình, định mức kinh tế, kỹ thuật trong nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố. 2. Căn cứ thực tiễn Hiện Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã được giao nhiệm vụ về tổ chức cứu hộ, bảo tồn, nhân giống các loại động vật hoang dã sinh sản được tại Trung tâm ; tổ chức thu nhận động vật hoang dã và sản phẩm động vật hoang dã do buôn bán, vận chuyển bất hợp pháp bị xử lý tịch thu; động vật hoang dã do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp, hiến tặng để cứu hộ.... 3. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023 Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã đã thực hiện:

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Cứu hộ, bảo tồn, nhân nuôi sinh sản ĐVHD - Hiệu quả đối với ngành và xã hội: Cứu hộ và bảo tồn các loài ĐVHD, đặc biệt là các loài quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng cao. Góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo vệ các loài ĐVHD hoang dã nói riêng và bảo vệ đa dạng sinh học, môi trường sinh thái tại Việt Nam nói chung.
VII	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai	
9	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ điểm c, Khoản 1, Điều 20, Luật Thủy Lợi quy định về nội dung giám sát chất lượng nước trong công trình thủy lợi: “Bảo vệ môi trường, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; kiểm tra, kiểm soát việc xả chất thải, nước thải vào công trình thủy lợi”. - Điểm 1 mục III Danh mục kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”. 2. Căn cứ thực tiễn: Hiện nay trên địa bàn Thành phố quá trình phát triển kinh tế, xã hội, công nghiệp hóa, đô thị hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nước trong công trình thủy lợi. Lượng chất thải, nước thải xả vào hệ thống công trình thủy lợi ngày càng tăng...ngoài ra việc lạm dụng hóa chất, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp cũng là một trong các nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước. Vì vậy việc giám sát, dự báo chất lượng nước trong công trình thủy lợi (giám sát, dự báo các thông số ô nhiễm nguồn nước trong công trình thủy lợi theo hạn ngắn, vừa, dài và theo mùa) có vai trò quan trọng trong công tác điều hành cấp nước, tiêu nước cho sản xuất nông nghiệp và vận hành công trình giảm thiểu ô nhiễm. 3. Hiệu quả dự kiến: - Góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đề xuất giải pháp thực hiện các nội dung: - Hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm và suy thoái môi trường nước trong hệ thống công trình thủy lợi; từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Đảm bảo chất lượng nước và môi trường sinh thái, cung cấp cho sản xuất và dân sinh, góp phần phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô.
10	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước	1. Căn cứ pháp lý: - Tại điểm b, Khoản 1, Điều 20 Luật Thủy lợi quy định: “Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tích trữ điều hòa, chuyển, phân phối, cấp, tưới, tiêu, thoát nước, sử dụng nước, kiểm soát chất lượng nước, xâm nhập mặn, thực hiện phương án ứng phó thiên tai”. - Tại điểm e, Khoản 1, Điều 57, Luật Thủy lợi quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “Tổ chức thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi; dự báo về nguồn nước phục vụ hoạt động thủy lợi và các nhu cầu dùng nước khác; kiểm kê nguồn nước trong công trình thủy lợi, kết hợp với dự báo hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn để lập phương án điều hòa, phân phối nguồn nước bảo đảm nhu cầu sử dụng nước thiết yếu cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh”. - Tại Khoản 5, Điều 3, Luật Tài nguyên nước quy định kế hoạch sử dụng tài nguyên nước: “Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải tiết kiệm, an toàn, có hiệu quả; bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, công bằng, hợp lý, hài hòa lợi ích, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các tổ chức, cá nhân”. - Điểm 2 mục III Danh mục kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi “<i>Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông</i>”. 2. Căn cứ thực tiễn: Để đảm bảo trữ lượng nước cấp cho sản xuất nông nghiệp và nhu cầu dùng nước khác, việc dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước là hết sức cần thiết. Mặt khác, dự báo nguồn nước để có kế hoạch chủ động tích trữ, điều hòa, phân phối nguồn nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh và phát triển KT-XH, đó cũng là một trong số những nội dung quan trọng của Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 20/4/2023 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		3. Hiệu quả dự kiến: - Phục vụ tốt hơn công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định. - Đảm bảo nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và các nhu cầu dùng nước khác. - Hỗ trợ hiệu quả công tác phòng, chống úng, hạn trên địa bàn Thành phố.
11	Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi	1. Căn cứ pháp lý: - Điểm 4 mục III Danh mục kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định hoạt động thuộc lĩnh vực thủy lợi “Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai”. 2. Căn cứ thực tiễn: Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi cần thiết để đảm bảo thống nhất, thuận lợi trong công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình và phân cấp quản lý sử dụng, quản lý tài sản, sửa chữa công trình, tra cứu, thống kê, báo cáo tình hình, kết quả tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp; phục vụ công tác phòng, ngừa, ứng phó thiên tai hiệu quả. 3. Hiệu quả dự kiến: - Thuận lợi hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý, vận hành công trình thủy lợi. - Chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai.
12	Duy tu, bảo dưỡng đê điều	1. Căn cứ pháp lý - Căn cứ Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của UBND Thành phố - Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND Thành phố ban hành định mức KT-KT về duy tu, sửa chữa một số hạng mục đê điều 2. Căn cứ thực tiễn Nhằm bảo trì, duy tu, bảo dưỡng 626,513km đê từ cấp V đến cấp Đặc biệt; hệ thống đê điều của Thành phố đi qua địa bàn của 26/30 quận, huyện, thị xã với 209/579 xã, phường, thị trấn ven đê 3. Kết quả thực hiện từ năm 2020 – 2023: Ban Quản lý và Duy tu các công trình nông nghiệp, nông thôn thực hiện các nội dung

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		sau: - Quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi của cấp Thành phố tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Nghiệm thu, thanh toán kinh phí thực hiện công dịch vụ công ích thủy lợi đối với các Công ty Thủy lợi đảm bảo các chi phí để quản lý, vận hành, duy tu, duy trì hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất kịp thời và hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
VIII	Dịch vụ khác	
13	Thống kê lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ STT 1, mục IV hoạt động sự nghiệp khác trong Danh mục kèm theo Quyết định 254/QĐ-TTg - Điều 12, Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT: cơ quan thẩm định thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý theo phân công, phân cấp. - Quyết định số 2613/QĐ – UBND ngày 27/7/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản Hà Nội: Tổ chức điều tra, khảo sát, thống kê và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định. - Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hà Nội đã phân công, phân cấp quản lý an toàn thực phẩm 2. Căn cứ thực tiễn: - Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang thực hiện việc thống kê, cập nhật danh sách các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Phương pháp thực hiện đang được Chi cục thực hiện thông qua các hoạt động quản lý nhà nước, các kế hoạch, nghiệp vụ hàng năm
14	Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình	1. Căn cứ pháp lý - Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông. - Căn cứ Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông. - Căn cứ Quyết định 2865/QĐ-UBND ngày 19/05/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (sự nghiệp kinh tế) của thành phố Hà Nội; - Căn cứ Quyết định 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội; 2. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023 Trung tâm Khuyến nông thực hiện các nội dung sau: 2.1. Tập huấn thường xuyên - Nội dung thực hiện: + Tập huấn xây dựng chuỗi trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. + Tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực về kỹ thuật và quản lý, kiến thức thị trường, xây dựng thương hiệu, liên kết tiêu thụ sản phẩm cho các hộ sản xuất, mô hình trang trại. + Tập huấn trang bị kiến thức và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới cho nông dân. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Hoạt động Tập huấn thường xuyên giúp nâng cao kiến thức, chất lượng nguồn nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, cộng tác viên khuyến nông có đủ trình độ, năng lực, kinh nghiệm phương pháp, kỹ năng khuyến nông trong việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất. Cập nhật, trang bị kiến thức và

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		chuyển giao tiến bộ KHKT mới cho nông dân góp phần đẩy nhanh áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp 2.2. Thông tin tuyên truyền thường xuyên - Nội dung thực hiện: + Xuất bản các ấn phẩm tuyên truyền ngành nông nghiệp + Xây dựng các chuyên đề thông tin tuyên truyền + Thông tin giá cả thị trường nông nghiệp + Thông tin tuyên truyền ngành nông nghiệp trên các báo đài phát thanh truyền hình trung ương và địa phương + Thông tin tuyên truyền trên Website Khuyến nông + Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn khuyến nông, tham quan học tập + Tổ chức, tham gia triển lãm, hội chợ nông nghiệp - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Hoạt động thông tin tuyên truyền khuyến nông đã bám sát các định hướng, chỉ đạo của ngành, tập trung phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Các chương trình tuyên truyền được đầu tư đa dạng về hình thức, cách thức và nội dung tuyên truyền thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị chuyên môn là các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT và đơn vị truyền thông. Qua công tác thông tin tuyên truyền nông nghiệp giúp nâng cao nhận thức của người dân; tuyên truyền rộng khắp, kịp thời chủ trương định hướng của Đảng, nhà nước, thành phố, cung cấp các thông tin hữu hiệu, kiến thức hữu ích, có sức lan tỏa sâu rộng, giúp nông dân có cơ hội tiếp cận và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào thực tế sản xuất một cách kịp thời, góp phần làm tăng giá trị và hiệu quả sản xuất nông nghiệp, chung tay cùng xã hội hoàn thành các chỉ tiêu nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới. 2.3. Xây dựng mô hình trình diễn lĩnh vực Trồng trọt - Các dạng mô hình triển khai thực hiện: + Sản xuất lúa chất lượng cao theo VietGap gắn với tiêu thụ sản phẩm và ứng dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		+ Sản xuất cây dược liệu gắn với tiêu thụ sản phẩm. + Sản xuất rau theo hướng hữu cơ, VietGap, ứng dụng công nghệ cao. + Sản xuất hoa theo hướng ứng dụng công nghệ cao. + Sản xuất cây ăn quả theo hướng hữu cơ, VietGap, ứng dụng công nghệ cao. + Sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. + Sử dụng các giống cây trồng mới, các tiến bộ kỹ thuật mới, tiên tiến thích ứng với biến đổi khí hậu. + Sản xuất mạ khay để mở rộng diện tích cây lúa bằng máy - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Các mô hình tập trung vào các nhóm cây trồng giống mới năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển sản xuất cây, hoa, quả an toàn theo hướng hữu cơ, VietGAP, ứng dụng công nghệ cao, phát triển liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm và một số mô hình cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp...Nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp thay đổi nhận thức của người dân trong sản xuất nông nghiệp, thay đổi được tập quán canh tác, thúc đẩy việc dồn điền đổi thửa, quy hoạch được cánh đồng mẫu lớn; thúc đẩy hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ dịch vụ, tạo sự liên kết trong sản xuất; tạo ra các vùng sản xuất tập trung. Việc áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất khắc phục được tình trạng thiếu nhân lực, đáp ứng được tính khẩn trương của thời vụ, góp phần thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Đưa các giống cây trồng mới năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm thay thế dần các giống cây trồng cũ, năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu kém, góp phần bổ sung vào cơ cấu giống cây trồng của thành phố, làm dạng hóa sản phẩm rau, hoa, cây ăn quả của Hà Nội, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng thu nhập cho người sản xuất. 2.4. Xây dựng mô hình trình diễn lĩnh vực Chăn nuôi - Các dạng mô hình triển khai thực hiện: + Chăn nuôi gà lông màu (Mía, gà Mía lai, ri lai...) thương phẩm theo hướng VietGap gắn với tiêu thụ sản phẩm. + Chăn nuôi gà theo hướng an toàn sinh học theo hướng liên kết chuỗi.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		+ Chăn nuôi vịt thương phẩm chuyên thịt cao sản trên cạn. + Chăn nuôi bò sinh sản (bò cái lai Sind, bò cái lai Brahman..). + Chăn nuôi dê kiêm dụng sữa thịt trên địa bàn thành phố. + Chăn nuôi dê theo vùng an toàn sinh học, liên kết chuỗi. + Chăn nuôi lợn thịt an toàn dịch bệnh, sử dụng thức ăn thảo dược, sử dụng thảo dược trong phòng, trị bệnh và sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường chăn nuôi. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Các mô hình chăn nuôi tập trung, thâm canh mang lại hiệu quả, người nông dân được tiếp cận và nhận chuyển giao, áp dụng, nhân rộng trong sản xuất, nhận thức của người dân được nâng lên rõ rệt, trình độ kỹ thuật từng bước được nâng cao, sản xuất nông nghiệp hiệu quả, công tác quản lý dịch bệnh tốt, góp phần trong việc cải tạo con giống, tạo các sản phẩm an toàn, chất lượng và không gây ô nhiễm môi trường. 2.5. Tên nghiệp vụ: Xây dựng mô hình trình diễn lĩnh vực Thủy sản - Các dạng mô hình triển khai thực hiện: + Nuôi thủy sản theo hướng VietGap + Nuôi cá - lúa. + Nuôi các loài thủy đặc sản như Ếch, baba, lươn, chạch, cua đồng, rô... + Nuôi thủy sản lồng bè.
B	Ngoài phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ	
I	<i>Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi</i>	
1	Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố	1. Căn cứ pháp lý: - Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 4 Luật Chăn nuôi “1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau đây: a) Thống kê, điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu chăn nuôi, đánh giá tiềm năng và hoạt động chăn nuôi theo định kỳ 05 năm và hằng năm; xây dựng chiến lược phát triển chăn nuôi; dự báo thị trường, dự trữ sản phẩm chăn nuôi phù hợp với từng thời kỳ; xây

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong chăn nuôi;” - Thực hiện theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội. - Căn cứ Quyết định 2865/QĐ-UBND ngày 19/05/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (sự nghiệp kinh tế) của thành phố Hà Nội ; - Căn cứ Quyết định 1835/QĐ-UBND ngày 25/02/2013 của UBND Thành phố về phê duyệt Quy hoạch phát triển chăn nuôi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030: “2.2. Mục tiêu sản xuất giống: Định hướng đến năm 2030: Tiếp tục nâng cao tỷ lệ đàn lợn nái được thụ tinh nhân tạo trên 90%, sản xuất con giống lợn từ 8 – 10 triệu con. Giống bò được thụ tinh nhân tạo đạt trên 70%; đàn gia cầm sử dụng giống tiến bộ đạt trên 95%. - Căn cứ Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 25/10/2022 của UBND Thành phố về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn Thành phố. “Trong đó tại mục 3. Đưa sản xuất con giống là sản phẩm chủ lực của ngành chăn nuôi: + Chăn nuôi bò: Tăng tỷ lệ thụ tinh nhân tạo đạt 90% vào năm 2030 (Đối với đàn bò sữa 100% được thụ tinh nhân tạo). + Chăn nuôi lợn: Mở rộng mạng lưới thụ tinh nhân tạo và tiêu chuẩn hóa các cơ sở, chất lượng lợn đực giống.” - Căn cứ Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của Thành phố về Quyết định ban hành Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi (bò thịt, bò sữa) và thủy sản giai đoạn 2021-2025. (Trong đó có nội dung hỗ trợ công tác thụ tinh nhân tạo cho đàn bò sữa, bò thịt trên địa bàn Thành phố). - Căn cứ Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Kế hoạch phát triển đàn bò cái nền trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. (Trong đó có nội dung hỗ trợ công tác thụ tinh nhân tạo cho

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		đàn bò cái nền bằng tinh bò đực Senepol). 2. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023 2.1. Đối với hoạt động Thụ tinh nhân tạo cho bò - Thực hiện hỗ trợ TTNT theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND - Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2020 - Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi (bò thịt, bò sữa) và thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025 2.2. Đối với hoạt động Thụ tinh nhân tạo cho lợn - Năm 2020: đã cung ứng tinh dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo được 288.376 liều tinh. - Năm 2021: đã cung ứng tinh dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo được 391.660 liều tinh. - Năm 2022: đã cung ứng tinh dịch lợn phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo được 433.258 liều tinh. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Nâng cao năng suất, chất lượng và số lượng đàn lợn, , góp phần cải tạo giống vật nuôi, nâng cao hiệu quả kinh tế của người chăn nuôi và thúc đẩy tình hình chăn nuôi trên địa bàn. + Giảm sự lây lan dịch bệnh., giảm chi phí trung gian. + Thực hiện tốt chính sách phát triển của Thành phố.
II	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng	
2	Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp.	1. Căn cứ pháp lý: * Luật, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật chuyên ngành: - <i>Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018:</i> tại Mục c và mục d, Khoản 2, Điều 4, quy định: <i>"Điều 4. Chính sách của Nhà nước về hoạt động trồng trọt.</i>

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		2. Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây: ... c) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, hoạt động chứng nhận sản phẩm cây trồng; d) Xây dựng cơ sở hạ tầng, phân tích, đánh giá điều kiện sản xuất ban đầu trong trồng trọt, đánh giá nông hóa, thổ nhưỡng phục vụ sản xuất hàng hóa tập trung; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo quản, chế biến; sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học; canh tác hữu cơ; cơ giới hóa; phòng thử nghiệm quốc gia và kiểm nghiệm liên phòng quốc tế;" - Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018: tại Mục b, Khoản 2, Điều 4, quy định: "Điều 4. Chính sách của Nhà nước về chăn nuôi. 2. Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ cho các hoạt động sau đây: b) Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; xử lý môi trường chăn nuôi; phát triển các mô hình thực hành chăn nuôi tốt; di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi;" - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017: tại Mục a và mục d, Khoản 3, Điều 6, quy định: "Điều 6. Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản. 3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và hoạt động sau đây: a) Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình liên kết, hợp tác; d) Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong sản xuất, kinh doanh thủy sản; truy xuất nguồn gốc thủy sản." - Luật Lâm Nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017, tại Khoản 4, Điều 4 quy định: "Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lâm nghiệp.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		<i>Khoản 4. Nhà nước tổ chức, hỗ trợ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng sản xuất; giống cây trồng lâm nghiệp, phục hồi rừng, trồng rừng mới; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện dịch vụ môi trường rừng; trồng rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng trồng gỗ lớn; kết cấu hạ tầng; quản lý rừng bền vững; chế biến và thương mại lâm sản; hợp tác quốc tế về lâm nghiệp."</i> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010, tại Khoản 4, Điều 4 quy định: <i>"Điều 4. Chính sách của Nhà nước về An toàn thực phẩm</i> <i>4. Thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm."</i> - Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Tại Khoản 1; mục b, mục c, Khoản 2, Điều 5 quy định: <i>"Điều 5. Một số chính sách.</i> <i>1. Ngân sách nhà nước đầu tư 100% kinh phí về điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông lâm thủy sản áp dụng VietGAP do cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i> <i>2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ</i> <i>b) Đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông các cấp; dạy nghề cho lao động nông thôn áp dụng VietGAP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm an toàn; biên soạn, in ấn tài liệu, biểu mẫu phục vụ các lớp đào tạo, tập huấn;</i> <i>c) Hỗ trợ một lần kinh phí thuê tổ chức chứng nhận đánh giá để được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm an toàn;"</i> * Danh mục dịch vụ sự nghiệp công đã được ban hành trước đây - Quyết định số 2865/QĐ-UBND, tại STT 4, STT 5, Biểu số 02:

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		<i>"4. Đánh giá, chứng nhận sản phẩm và vật tư nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.</i> <i>5. Đánh giá, chứng nhận quá trình, chứng nhận hệ thống quản lý sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp"</i> 2. Căn cứ thực tiễn: - UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2733/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 về việc Phân tích kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay chưa có sự thống nhất xuyên suốt giữa các văn bản về danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá. - Thực hiện hàng năm Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp đều triển khai nhiệm vụ phân tích kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp phục vụ quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm theo các Quyết định phê duyệt của UBND Thành phố. 3. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023: Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng SPNN thực hiện các nội dung như: 3.1. Kế hoạch Chuẩn hóa năng lực chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm nông nghiệp và vật tư nông nghiệp - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Góp phần hoàn thành đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng; Kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm thành phố Hà Nội; Kế hoạch Nông nghiệp hữu cơ; hàng năm tăng số lượng cơ sở đạt chứng nhận VietGAP trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, nông nghiệp hữu cơ, Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm. + Góp phần xây dựng Chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản an toàn; đạt chứng nhận để cung cấp cho các siêu thị, nhà hàng; cửa hàng tiện ích, trường học bếp ăn tập thể; Giúp tăng cường giao thương và xuất khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản của thành phố Hà Nội. 3.2. Kế hoạch Nâng cao năng lực chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Góp phần tái cơ cấu ngành Nông nghiệp; Kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm thành

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		phố Hà Nội; Kế hoạch Nông nghiệp hữu cơ; tăng số lượng cơ sở đạt chứng nhận nông nghiệp hữu cơ. + Góp phần xây dựng Chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản an toàn; đạt chứng nhận để cung cấp cho các siêu thị, nhà hàng; cửa hàng tiện ích, trường học bếp ăn tập thể; Giúp tăng cường giao thương và xuất khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản của thành phố Hà Nội. 3.3. Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển năng lực phân tích và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Góp phần hoàn thành đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp nói chung và Thành phố Hà Nội nói riêng; Kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm thành phố Hà Nội; Kế hoạch Nông nghiệp hữu cơ; hàng năm tăng số lượng cơ sở đạt chứng nhận VietGAP trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, nông nghiệp hữu cơ, Hệ thống Quản lý an toàn thực phẩm. + Góp phần xây dựng Chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản an toàn; đạt chứng nhận để cung cấp cho các siêu thị, nhà hàng; cửa hàng tiện ích, trường học bếp ăn tập thể; Giúp tăng cường giao thương và xuất khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản của thành phố Hà Nội.
3	Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm	1. Căn cứ pháp lý: * Luật, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật chuyên ngành : - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010: + Tại Mục b, Khoản 1, Điều 45 quy định: “Điều 45. Yêu cầu đối với việc kiểm nghiệm thực phẩm 2. Kiểm nghiệm thực phẩm được thực hiện trong các trường hợp sau đây: ... b) Phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.” + Tại Khoản 2, 3, 4 Điều 63 quy định: “Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 2. Quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		3. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả, trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, thực phẩm biến đổi gen, muối và các nông sản thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ. 4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.” - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: tại Khoản 3, khoản 4 Điều 38 quy định: “Điều 38. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 3. Quản lý và phân cấp quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản; sản xuất muối. 4. Quản lý và phân cấp quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với sản phẩm và cơ sở sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.” - Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hà Nội: - Tại Khoản 1, khoản 2 Điều 5 quy định: “Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 1. Quản lý an toàn thực phẩm đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối bao gồm: Quá trình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, thu hái, đánh bắt nông, lâm, thủy sản, sản xuất muối. Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh và cơ sở sản xuất, chế biến, kinh

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		doanh đối với sản phẩm thực phẩm quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này và cơ sở thực phẩm hỗn hợp được quy định tại khoản 3 Điều 3 theo phân cấp quản lý tại khoản 2 Điều 3 Quy định này (bao gồm cả các cơ sở trong chợ gồm cả chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản và các cơ sở độc lập trong siêu thị không thuộc quản lý của siêu thị). Quản lý an toàn thực phẩm đối với các chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý có tiến hành hoạt động thương mại điện tử. 2. Quản lý, cấp, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm, xác nhận bản cam kết an toàn thực phẩm, tiếp nhận bản sao giấy chứng nhận có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cơ sở quy định tại điểm k khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, tuyên truyền phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm; thẩm định xếp loại cơ sở; thanh kiểm tra, hậu kiểm, giám sát, kiểm nghiệm thực phẩm; xử lý vi phạm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm thực phẩm; xác minh, xử lý thông tin phản ánh về mất an toàn thực phẩm theo phân công, phân cấp thuộc lĩnh vực ngành Nông nghiệp quản lý.” - Tại Phụ lục II của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND, danh mục sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bao gồm 19 sản phẩm/nhóm sản phẩm như sau: 1) Ngũ cốc; 2) thịt và các sản phẩm thịt; 3) Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư); 4) Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; 5) Trứng và các sản phẩm từ trứng; 6) Sữa tươi nguyên liệu; 7) Mật ong và các sản phẩm từ mật ong; 8) Thực phẩm biến đổi gen; 9) Muối; 10) Gia vị; 11) Đường; 12) Chè; 13) Cà phê; 14) Cacao; 15) Hạt tiêu; 16) Điều; 17) Nông sản thực phẩm khác; 18) Dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; 19) Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (sự nghiệp kinh tế) của thành phố Hà Nội (Gọi tắt là Quyết định số 2865/QĐ-UBND)

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		+ Tại STT 1, Phần II, Biểu số 01: “Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi - Kiểm nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi” + Tại STT 1, Phần III, Biểu số 01: “Kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật” + Tại STT 6, Biểu số 02: “Kiểm nghiệm, kiểm định môi trường nông nghiệp, vật tư nông nghiệp (trừ môi trường chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật)” 2. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023: Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng SPNN thực hiện: 2.1. Kế hoạch kiểm nghiệm an toàn thực phẩm và vật tư nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội - Nội dung thực hiện: Phân tích, kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp phục vụ quản lý nhà nước - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Công tác quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm của ngành: Phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và Chương trình phối hợp đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản, giao thương giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố. Tham gia cảnh báo nguy cơ mất an toàn của các sản phẩm nông nghiệp hiện đang được tiêu thụ trên địa bàn thành phố Hà Nội. + Hỗ trợ giao thương, kiểm soát ATTP phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu: Tham gia Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 20/5/2020 của UBND Thành phố về “Huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài, giai đoạn 2020 – 2024”; Tham gia thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; cơ cấu lại ngành nông nghiệp Thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025. + Duy trì năng lực phân tích đạt chuẩn ISO 17025:2017, duy trì phòng kiểm nghiệm được chỉ định là cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước; Cung cấp số liệu phân tích cho công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, phục vụ đánh giá công nhận

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		sản phẩm OCOP, gắn với phát triển, xây dựng nông thôn mới,... của ngành nông nghiệp phát triển nông thôn và của thành phố Hà Nội.
4	Hoạt động tuyên truyền về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm	1. Căn cứ pháp lý: - Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2018 của UBND thành phố Hà Nội về duy trì, phát triển hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020. - Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 30/8/2018 của UBND Thành phố về kế hoạch triển khai mô hình hệ thống cảnh báo nhanh về an toàn thực phẩm năm 2018-2020; - Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 07/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội về hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn của thành phố Hà Nội; -Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030; - Kế hoạch số 274/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về đẩy mạnh xuất khẩu trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2023; - Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 01/3/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng thành phố Hà Nội năm 2023. - Quyết định 1662/QĐ-UBND ngày 13/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc thành lập Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản Hà Nội. - Quyết định số 2613/QĐ – UBND ngày 27/7/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Chi cục Quản lý Chất lượng nông lâm sản và Thủy sản Hà Nội; - Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		2. Kết quả thực hiện năm 2020 – 2023: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản thủy sản thực hiện các nội dung sau: 2.1. Chương trình tăng cường ATTP trong sản xuất, kinh doanh nông lâm sản và thủy sản năm 2020 - Nội dung thực hiện: (1) Phát triển phần mềm Hệ thống tự công bố sản phẩm nông lâm thủy sản. (2) Xây dựng bài giảng điện tử ứng dụng công nghệ thông tin hướng dẫn kiến thức về chất lượng ATTP nông lâm thủy sản, áp dụng chương trình quản lý chất lượng tiên tiến cho người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng. - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: + Hệ thống phần mềm tự công bố sản phẩm nông lâm thủy sản (tucongbo.sonnptnt.hanoi.gov.vn) đã giúp Chi cục Tăng cường hiệu lực, hiệu quả và nâng cao năng lực quản lý của Chi cục,; đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), dịch vụ công, giao dịch điện tử, ...ngày càng cao của tổ chức, người dân và doanh nghiệp; khắc phục được một số hạn chế, tồn tại của phương thức quản lý, thực thi theo hình thức truyền thống, thủ công; + Cho phép tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu công bố sản phẩm có thể truy cập hệ thống để tự khai báo, công bố các sản phẩm của mình lên Danh mục tự công bố sản phẩm. + Cho phép Chi cục quản lý, kiểm soát, giám sát toàn bộ quy trình, nghiệp vụ chuyên môn đối với hoạt động tự công bố sản phẩm. Trong đó, Danh mục tự công bố sản phẩm được tổ chức, lưu trữ và quản lý tại Chi cục, đảm bảo an toàn, bảo mật và có thể dễ dàng phục vụ việc truy xuất, tra cứu, tìm kiếm, tạo báo cáo, trích xuất dữ liệu... thông qua các công cụ và chức năng của phần mềm. + Cho phép các tổ chức, người dân, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý có thể tra cứu thông tin từ Danh mục tự công bố sản phẩm. + Cán bộ, công viên chức của Chi cục và tổ chức, doanh nghiệp có thể truy cập vào hệ thống thông qua mạng Internet (hoặc mạng 3G/4G) để thực hiện các công việc của mình một cách chủ động, hiệu quả và thuận lợi, các công việc có thể được giải quyết, xử lý tại bất cứ đâu và nơi nào. 2.2. Quản lý thương mại - Kết nối tiêu thụ nông lâm thủy sản

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Nội dung thực hiện: + Nâng cấp Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội (hn.check.net.vn; check.gov.vn) theo KH 02/KH-UBND ngày 03/1/2018 + Phát triển Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội (hn.check.net.vn; check.hanoi.gov.vn) - Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Thực hiện duy trì và phát triển Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông lâm sản thực phẩm thành phố Hà Nội (check.hanoi.gov.vn), cụ thể: + Module quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm. + Module quản lý và đánh giá chỉ số tin cậy. + Module kết nối cung cầu cho phép đăng tin cần bán, cần mua, cần tìm đối tác bán hàng. + Hệ thống máy chủ VPS vận hành duy trì cổng thông tin điện tử và các phần mềm quản lý CSDL. Việc phát triển sử dụng ứng dụng hiệu quả hệ thống điện tử truy suất nguồn gốc nông lâm sản thủy sản sử dụng mã Qrcode sẽ đạt các mục tiêu trong công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ cơ sở, HTX sản xuất, sơ chế chế biến kinh doanh nông sản cũng như người tiêu dùng trong quá trình phân phối và sử dụng sản phẩm.
III	Dịch vụ khác	
5	Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản	1. Căn cứ pháp lý - Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018 , Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018, Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017; - Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; - Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; - Chương trình 04-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành Nông

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		ng nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”. - Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/7/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; - Quyết định số 4537/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành danh mục định hướng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 5343/QĐ-UBND ngày 30/11/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển sản xuất bưởi đỏ Tân Lạc và một số giống bưởi đặc sản Hà Nội giai đoạn 2021 – 2025 - Quyết định số 5472/QĐ-UBND ngày 7/12/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển sản xuất chuối theo tiêu chuẩn xuất khẩu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 5342/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển sản xuất lúa Japonica và lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn xuất khẩu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 4958/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi (bò thịt, bò sữa) và thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025; 2. Căn cứ thực tiễn Hình thành và phát triển các vùng phát triển các vùng sản xuất lúa, bưởi, chuối hàng hóa theo hướng an toàn, VietGAP, GlobalGAP đáp ứng yêu cầu tiêu dùng của thành phố và xuất khẩu, góp phần tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp Hà Nội theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. 3. Kết quả thực hiện 2020 – 2023 Trung tâm phát triển nông nghiệp thực hiện các nội dung sau:

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		3.1. Kế hoạch phát triển sản xuất lúa Japonica và lúa chất lượng cao hàng hoá theo tiêu chuẩn xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 - Nội dung thực hiện: + Tổ chức đào tạo, tập huấn + Phát triển sản xuất: sản xuất lúa Japonica theo hướng hữu cơ, sản xuất lúa Japonica theo tiêu chuẩn Việt Nam, sản xuất lúa Japonica chất lượng an toàn + Hỗ trợ thông tin tuyên truyền; XTTM, tham gia hội chợ... - Kết quả thực hiện : + Kết quả công tác đào tạo, tập huấn đã giúp nông dân nắm vững được quy trình thâm canh lúa chất lượng theo VietGAP, hữu cơ; phơi sấy, sơ chế, chế biến, bảo quản lúa gạo chất lượng cao để đảm bảo chất lượng sản phẩm sau thu hoạch. Nâng cao nhận thức của nông dân trong việc xây dựng và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu, chuỗi liên kết. Từ đó giúp nông dân các xã quản lý tốt các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản lúa gạo chất lượng cao và xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. + Hiệu quả kinh tế sản xuất lúa Japonica đạt bình quân 27,3 – 34,0 triệu đồng/ha/vụ; lúa chất lượng cao đạt bình quân 23,4 – 26,5 triệu đồng/ha/vụ; Hiệu quả kinh tế sản xuất lúa Japonica và lúa chất lượng cao đã góp phần gia tăng giá trị sản xuất khoảng 20 - 30 triệu đồng/ha/năm so với lúa thường. + Hiệu quả về xã hội: Đảm bảo an ninh lương thực của Thủ đô; nâng cao năng lực cán bộ, nhận thức của người dân về phát triển sản xuất có truy xuất nguồn gốc (Sản xuất theo VietGAP, hữu cơ); tạo ra sản phẩm an toàn góp phần bảo vệ sức khỏe người sản xuất, người tiêu dùng. Sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường và đáp ứng xu hướng hội nhập quốc tế; đẩy mạnh công cuộc xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Hà Nội, góp phần hoàn thành các mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp Hà Nội theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. + Hiệu quả về môi trường: Nâng cao được nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, nông dân về hiệu quả sử dụng đất đai, giảm sử dụng phân bón hóa học, hoá chất (các loại thuốc sâu, thuốc diệt cỏ độc hại cao) trong sản xuất nông nghiệp. Làm thay đổi một số thói quen canh tác cũ, nhằm bảo tồn nguồn thiên địch, cân bằng hệ sinh thái, sản xuất nông

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		ng nghiệp mang tính bền vững, góp phần giữ gìn, bảo vệ tài nguyên đất, nước, môi trường bền vững. + Kết quả công tác tuyên truyền, xúc tiến thương mại đã giúp cho đông đảo người tiêu dùng trong và ngoài Thành phố biết đến sản phẩm gạo Japonica và gạo chất lượng của Hà Nội; kết nối được 6 doanh nghiệp vào tiêu thụ sản phẩm cho nông dân: Tiêu thụ được trên 40% sản lượng thóc tươi cho nông dân, giúp người dân yên tâm trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. 3.2. Kế hoạch phát triển sản xuất giống bưởi đỏ Tân Lạc và một số giống bưởi đặc sản Hà Nội giai đoạn 2021-2025 - Nội dung thực hiện: + Tổ chức đào tạo, tập huấn + Phát triển trồng mới bưởi; ghép cải tạo bưởi. + Hỗ trợ xây dựng quy trình; thông tin tuyên truyền, XTTM... - Kết quả thực hiện : + Hiệu quả kinh tế: Thông qua công tác đào tạo, tập huấn, ban hành quy trình hữu cơ, VietGAP, xây dựng mô hình đã đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất bưởi như cắt tỉa, tạo tán, thụ phấn bổ sung, sử dụng túi bảo quả, tưới tiết kiệm, bảo quản bưởi đã góp phần nâng cao năng suất bưởi (năm 2023 ước đạt: 180 tạ/ha tăng 11,9% so với năm 2020 (150,5 tạ/ha); sản lượng năm 2023 đạt 110.000 tấn, tăng hơn so với năm 2020 (92.950 tấn) là 10,7%. Hiệu quả kinh tế ước đạt 500-600 triệu/ha tăng 25-30% so với năm 2020. + Hiệu quả kỹ thuật: Chuyển giao có hiệu quả các kết quả nghiên cứu, tiến bộ kỹ thuật mới, quản lý sản xuất mới áp dụng vào sản xuất bưởi như cắt tỉa, tạo tán; diện tích thụ phấn bổ sung tăng từ 30% so với năm 2020; sử dụng túi bao quả tăng 15% so với năm 2020, sử dụng tưới tiết kiệm đã nâng cao năng suất, chất lượng bưởi trên địa bàn Hà Nội. + Hiệu quả xã hội: Nâng cao năng lực cán bộ, nhận thức của người dân Thủ đô về phát triển sản xuất nông nghiệp an toàn nói chung và cây ăn quả nói riêng. Giúp người dân có ý thức phát triển nhãn hiệu nông sản; đồng thời phát triển sản xuất sẽ giải quyết việc làm, tạo thu nhập ổn định cho người dân trồng cây ăn quả, ổn định đời sống và an sinh xã hội.

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		Cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất được cải thiện, tiếp cận được nhiều hơn với thị trường, khoa học kỹ thuật, mở rộng giao lưu văn hóa. + Hiệu quả về môi trường: Tổ chức sản xuất bưởi hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP đã mở rộng 04 vùng hữu cơ tại Cát Quế, Yên Sở- Hoài Đức; Văn Hà- Phúc Thọ, Nam Phương Tiến- Chương Mỹ và 40% các vùng sản xuất bưởi đạt VietGAP, các vùng còn lại cơ bản đã sản xuất theo hướng an toàn. Từ đó nâng cao chất lượng bưởi, cải tạo môi trường đất, nước và an toàn với người sản xuất cũng như người tiêu dùng, truy xuất được nguồn gốc. Đồng thời việc mở rộng 14 mã vùng trồng bưởi đã góp phần đảm bảo các tiêu chí quy định để xuất khẩu. 3.3. Kế hoạch nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi và thủy sản trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 - Nội dung thực hiện: + Tổ chức đào tạo, tập huấn; + Tổ chức cấp tinh và vật tư TTNT cho các dẫn tinh viên cơ sở. + Hỗ trợ thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo... - Hiệu quả: + Năng suất, hiệu quả kinh tế của người nuôi tăng cao, từng bước giảm thiểu ô nhiễm môi trường, kiểm soát dịch bệnh trong quá trình nuôi. So với trước đây, sau khi thực hiện tốt các quy trình kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, mỗi năm lợi nhuận của các hộ nuôi thu được từ 120-150 triệu/ha. + Bước đầu hình thành các liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho một số vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên địa bàn Thành phố. 3.4. Kế hoạch phát triển chuỗi theo tiêu chuẩn xuất khẩu giai đoạn 2021-2025 - Nội dung thực hiện: + Tổ chức đào tạo, tập huấn + Phát triển trồng mới, ứng dụng đồng bộ giải pháp kỹ thuật sản xuất chuỗi theo tiêu chuẩn xuất khẩu; + Hỗ trợ cấp mã vùng trồng otas; nhãn hiệu tập thể, thông tin tuyên truyền, XTTM...

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Kết quả: + Qua lớp đào tạo, tập huấn đã nâng cao trình độ quản lý, kỹ thuật trong sản xuất, sơ chế, bảo quản, tiêu thụ chuỗi cho nông dân đảm bảo chuỗi vừa đạt năng suất cao, vừa có chất lượng, mẫu mã đẹp, đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu, nâng cao giá trị sản phẩm quả cho người sản xuất. Hiệu quả kinh tế tăng từ + Góp phần đưa năng suất đại trà tăng lên 28 tấn/ha, tăng 8,5% so với năm 2020 và năng suất trong mô hình đạt 42-45 tấn/ha, tăng 50% so với mô hình đại trà. + Kết quả công tác tuyên truyền, xúc tiến thương mại giúp người tiêu dùng Thủ Đô và các tỉnh bạn kết nối với các vùng để tiêu thụ sản phẩm.
6	Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	1. Căn cứ pháp lý: - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 + tại điều 61 quy định: “ Điều 61: Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp” + tại khoản 3; khoản 6 điều 109 quy định: “ Điều 109: Trách nhiệm quan trắc môi trường 3. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường phục vụ quản lý nông nghiệp gồm các chương trình quan trắc nước, đất, trầm tích, phục vụ mục đích thủy lợi, khai thác và nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện các chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn, báo cáo hội đồng nhân dân cùng cấp, Bộ tài nguyên và môi trường về kết quả quan trắc môi trường hàng năm” + tại Khoản 2; khoản 3 điều 113 quy định “ Điều 113: Quản lý số liệu quan trắc môi trường 2. Bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường theo thẩm quyền và tích hợp vào cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý số liệu quan trắc môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường trên địa bàn đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và liên thông với

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia và công bố thông tin về chất lượng môi trường của địa phương trên cơ sở kết quả quan trắc môi trường địa phương” - Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT ngày 10/09/2014 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tại khoản 4, điều 2 QĐ số 2607/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội <i>“ Điều 2: nhiệm vụ và quyền hạn</i> <i>4. Thu thập, xây dựng, sử dụng cơ sở dữ liệu về môi trường nông nghiệp, nông thôn phục vụ quản lý Nhà nước; thực hiện phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm kiểm định (theo yêu cầu quản lý nhà nước) các chỉ tiêu về môi trường nông nghiệp, nông thôn theo quy định pháp luật”</i> 2. Căn cứ thực tiễn: - Đánh giá về chất lượng môi trường trong sản xuất nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về nông nghiệp cần được tiến hành một cách thường xuyên, định kỳ nhằm phản ánh trung thực hiện trạng, diễn biến môi trường khu vực sản xuất nông nghiệp qua các năm; - Là cơ sở để xây dựng các Kế hoạch, chương trình về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp dài hạn, trung hạn và hàng năm. - Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao tại quyết định số 2607/QĐ-UBND của UBND TP Hà nội ngày 22/6/2023 về việc thành lập Trung tâm, để thu thập, xây dựng, duy trì và sử dụng cơ sở dữ liệu về môi trường nông nghiệp thì phải theo dõi đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn là rất cần thiết 3. Kết quả thực hiện năm 2021 - 2023: Trung tâm Bảo vệ môi trường trong SXNN và xây dựng NTM thực hiện một số nội dung sau: 3.1. Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		Hà Nội - Nội dung thực hiện: Bộ cơ sở dữ liệu Theo dõi- đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Bộ CSDL) được xây dựng và thực hiện trên các vùng sản xuất nông nghiệp căn cứ theo Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 12/6/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội và tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội, bao gồm các hợp phần: + Các dữ liệu về hiện trạng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn và dự tính lượng chất thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp; đánh giá tác động của chất thải phát sinh; + Các dữ liệu, số liệu quan trắc về môi trường + Trên nền các số liệu gốc, tiến hành quan trắc, cập nhật diễn biến hàng năm. - Kết quả thực hiện: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp nông thôn thành phố Hà Nội hàng năm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.
7	Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội	1. Căn cứ pháp lý: - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 + tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 điều 154 quy định: “ Điều 154: Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường 1. Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên và rộng rãi 3. Bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với Bộ tài nguyên và môi trường, cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn”

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		- Tại khoản 6, khoản 7, điều 2 QĐ số 2607/QĐ-UBND của ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thành lập Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới Hà Nội <i>6. Tổ chức truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động, hướng dẫn nhân dân bảo vệ môi trường trong nông thôn tại địa phương theo quy định của Pháp luật, duy trì hoạt động và cập nhật thường xuyên lên cổng thông tin điện tử của Văn phòng điều phối nông thôn mới thành phố</i> <i>7. Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ môi trường nông nghiệp và chương trình xây dựng nông thôn mới; tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội thi, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước về môi trường nông nghiệp, nông thôn theo quy định của pháp luật</i> 2. Căn cứ thực tiễn: - Công tác truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường nói chung, môi trường trong sản xuất nông nghiệp nói riêng cũng như việc tập huấn về kỹ thuật xử lý phế, phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp là công tác cần được thực hiện thường xuyên và liên tục góp phần từng bước nâng cao nhận thức, ý thức của người dân. - Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao tại quyết định số 2607/QĐ-UBND của UBND TP Hà nội ngày 22/6/2023 về việc thành lập Trung tâm, trong quá trình triển khai nhiều năm qua đã nâng cao nhận thức thay đổi của nhân dân về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp là rất cần thiết 3. Kết quả thực hiện 2021 – 2023: Trung tâm Bảo vệ môi trường trong SXNN và xây dựng NTM thực hiện một số nội dung sau: 3.1. Tuyên Truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội - Nội dung thực hiện: + Nâng cao nhận thức, phổ biến sâu rộng đến tất cả người dân trên địa bàn các xã ngoại

STT	Tên dịch vụ	Giải trình lý do đề xuất
		thành Hà Nội về vấn đề nước sạch và bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Giúp cho người dân trên địa bàn các xã đã có các công trình cấp nước sạch tập trung nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch từ đó giúp cho người dân thấy được lợi ích của việc sử dụng nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung; Tuyên truyền giúp người dân hiểu được nước sạch là gì, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch đối với cuộc sống con người. + Tập huấn về kỹ thuật tái sử dụng, tái chế biến các phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường; Nhằm giảm thiểu sự phát thải chất hữu cơ, phụ phẩm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hiệu quả đối với ngành, xã hội: Thông qua công tác truyền thông trực tiếp (như tổ chức hội nghị truyền thông, phát tờ rơi đến người dân,...) đã từng bước nâng cao ý thức, nhận thức của người dân trong việc sử dụng nước sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường; nắm bắt, chấp hành các chủ trương, chính sách của nhà nước về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp; Người dân được trang bị thêm những kiến thức, kỹ năng trong việc xử lý rác thải, rơm rạ từ đó từng bước áp dụng trong thực tế cuộc sống, góp phần trong việc cải thiện môi trường cho gia đình mình và cho xã hội nhằm hướng tới nền kinh tế tuần hoàn và tăng trưởng xanh;

